

I. LÝ THUYẾT

ÔN TẬP KIẾN TẬP CƠ BẢN, TRỌNG TÂM CÁC NỘI DUNG SAU:

BÀI 3. BẢO HIỂM 1.

KHÁI NIỆM VÀ MỘT SỐ LOẠI HÌNH BẢO HIỂM

a. Khái niệm bảo hiểm

Bảo hiểm là một dịch vụ tài chính thông qua đó người tham gia bảo hiểm sẽ đóng phí bảo hiểm cho bên cung cấp dịch vụ bảo hiểm để được hưởng bồi thường, chi trả bảo hiểm cho những thiệt hại mà người tham gia bảo hiểm hoặc người thứ ba phải gánh chịu khi rủi ro hay sự kiện bảo hiểm xảy ra.

b. Một số loại hình bảo hiểm

- *Bảo hiểm xã hội* là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động trên cơ sở đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội.

Bảo hiểm xã hội có bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện

- *Bảo hiểm y tế* là loại hình bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do Nhà nước thực hiện; theo đó, người tham gia bảo hiểm sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khỏe nếu không may xảy ra tai nạn hoặc bệnh tật.

Bảo hiểm y tế có bảo hiểm y tế bắt buộc và bảo hiểm y tế tự nguyện

- *Bảo hiểm thất nghiệp* là sự bảo đảm được bù đắp một phần thu nhập, hỗ trợ học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm cho người lao động khi bị mất việc làm trên cơ sở đóng góp vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

- *Bảo hiểm thương mại* là hoạt động của tổ chức bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để tổ chức bảo hiểm bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm đã được hai bên ký kết.

Bảo hiểm thương mại bao gồm: Bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người, bảo hiểm trách nhiệm dân sự

2. VAI TRÒ CỦA BẢO HIỂM

Bảo hiểm có vai trò to lớn cả về kinh tế và xã hội:

- *Về kinh tế*: góp phần chuyển giao rủi ro, là một kênh huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; ổn định và tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

- *Về xã hội*: giảm thiểu tổn thất, đảm bảo an toàn cho cuộc sống của con người; góp phần hình thành lối sống tiết kiệm trong xã hội; góp phần tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.

BÀI 4. AN SINH XÃ HỘI

1. AN SINH XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI CƠ BẢN

a. Khái niệm và sự cần thiết của an sinh xã hội

- An sinh xã hội là hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân về xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội.

- An sinh xã hội có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội, chẳng hạn như: Đảm bảo các điều kiện sống và phát triển tốt nhất cho người dân, bao gồm an toàn, sức khỏe, giáo dục, lao động, thu nhập, chăm sóc xã hội và các quyền lợi khác; Giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, bảo hiểm, trợ cấp,... Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội, góp phần tăng cường nguồn lực, năng lực và năng suất lao động của các cá nhân và cộng đồng; Tạo ra môi trường sống an toàn, bình đẳng và công bằng cho người dân, thể hiện quyền cơ bản của con người, chủ nghĩa nhân đạo của

b. Các chính sách an sinh xã hội cơ bản

Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam bao gồm các chính sách cơ bản sau: chính sách hỗ trợ việc làm, chính sách về bảo hiểm, chính sách trợ giúp xã hội, chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

2. VAI TRÒ CỦA AN SINH XÃ HỘI

- Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội: được hỗ trợ giải quyết việc làm; tăng thu nhập cho người yếu thế, được cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch, nhà ở, thông tin,...
- Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: giúp nâng cao hiệu quả quản lý xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, giảm bất bình đẳng, thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống theo vùng, các nhóm dân cư đồng thời góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người cần.

BÀI 5. LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

1. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ SỰ CẦN PHẢI LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

- Kế hoạch kinh doanh là một bản trình bày ý tưởng kinh doanh và cách thức hiện thực hoá ý tưởng đó của người kinh doanh. Kế hoạch kinh doanh bao gồm: định hướng tương lai, mục tiêu và chiến lược phát triển kinh doanh trong một khoảng thời gian nhất định giúp chủ thể kinh doanh xác định được những nhiệm vụ cụ thể cùng những khó khăn, thách thức để chủ động tìm ra phương cách vượt qua, đảm bảo thực hiện thành công những mục tiêu đã đặt ra
- Bản kế hoạch kinh doanh sẽ giúp cho chủ thể kinh doanh:
 - + Nắm bắt được tình hình thực tế và đưa ra những định hướng trong tương lai.
 - + Xác định được mục tiêu, chiến lược, thị trường, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nội lực của bản thân, đưa ra phương hướng kinh doanh và phương thức thực hiện.
 - + Xác định được những thiếu sót trong kinh doanh và rủi ro có thể xảy ra.

Từ đó, chủ thể kinh doanh sẽ chủ động thực hiện, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để có tầm nhìn tốt hơn cho việc kinh doanh trong tương lai.

2. NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH KINH DOANH

- Xác định được định hướng, ý tưởng kinh doanh.
- Xác định mục tiêu kinh doanh.
- Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh: thuận lợi, khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xác định chiến lược kinh doanh.
- Xác định kế hoạch tổ chức thực hiện chiến lược.
- Đánh giá rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp xử lý để giảm thiểu tác động đến hoạt động kinh doanh.

3. CÁC BƯỚC LẬP KẾ HOẠCH KINH DOANH

- Bước 1: Xác định định hướng, ý tưởng kinh doanh.
- Bước 2: Xác định mục tiêu kinh doanh.
- Bước 3: Phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.
- Bước 4: Xác định chiến lược kinh doanh, chi tiết các hoạt động và kế hoạch thực hiện các hoạt động kinh doanh.
- Bước 5: Đánh giá cơ hội kinh doanh, rủi ro tiềm ẩn và các biện pháp xử lý.

Kết luận: Việc xác định các bước của lập kế hoạch kinh doanh có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chiến lược kinh doanh. Lập kế hoạch càng cụ thể sẽ giúp chủ thể kinh doanh dự kiến được các khó khăn và thách thức cũng như có kế hoạch điều chỉnh phù hợp

II. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN

Câu 1: Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng do

- A. đoàn thể thực hiện.
C. Công đoàn thực hiện

- B. Nhà nước thực hiện.
D. người dân thực hiện.

Câu 2: Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ trợ cấp đi lại. trợ cấp thất nghiệp.
trợ cấp lưu trú. trợ cấp thai sản.

Câu 3: Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng theo quy định phải tham gia là

- A. bảo hiểm thân thể. B. bảo hiểm xã hội tự nguyện.
C. bảo hiểm xã hội bắt buộc. D. bảo hiểm tài sản.

Câu 4: Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức nhằm bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm, đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động dựa trên cơ sở mức đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội của người lao động trước đó là loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A. Bảo hiểm xã hội. B. Bảo hiểm dân sự.
C. Bảo hiểm con người. D. Bảo hiểm thương mại.

Câu 5: Cơ sở để người tham gia bảo hiểm y tế được nhận quyền lợi bảo hiểm là căn cứ vào

- A. thời gian tham gia bảo hiểm. B. mức đóng quỹ bảo hiểm y tế.
C. tình trạng bệnh tật mắc phải. D. độ tuổi tham gia bảo hiểm.

Câu 6: Ai là người tổ chức thực hiện loại hình bảo hiểm xã hội?

- A. Các doanh nghiệp tư nhân. B. Tổ chức thương mại.
C. Nhà đầu tư nước ngoài. D. Nhà nước.

Câu 7: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với sự phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Huy động vốn dài hạn. B. Thúc đẩy tín dụng đen.
C. Ổn định tài chính cá nhân. D. Giảm lao động thất nghiệp.

Câu 8: Theo quy định của pháp luật, cơ quan bảo hiểm xã hội **không** phải chi trả loại trợ cấp nào dưới đây đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc?

- A. trợ cấp bệnh nghề nghiệp. B. trợ cấp tử tuất.
C. trợ cấp lưu trú. D. trợ cấp tai nạn lao động.

Câu 9: Bảo hiểm y tế là hình thức bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng gồm những loại hình nào dưới đây?

- A. Vận động và tự nguyện. B. Tự nguyện và cưỡng chế.
C. Bắt buộc và vận động. D. Tự nguyện và bắt buộc.

Câu 10: Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội là bị ốm đau hoặc nghỉ thai sản, nếu đủ điều kiện họ sẽ được nhận

- A. tiền trợ cấp theo quy định. B. toàn bộ số tiền đã đóng.
C. bảo hiểm thất nghiệp. D. chi phí khám chữa bệnh.

Câu 11: Đối với người tham gia bảo hiểm, một trong những vai trò của bảo hiểm đó là giúp mỗi cá nhân tham gia bảo hiểm nếu không may gặp rủi ro có thể

- A. chuyển giao rủi ro cho cơ quan bảo hiểm. B. được mọi người giúp đỡ, hỗ trợ thiệt hại.
C. yêu cầu được bồi thường cho bản thân. D. xác định được phần thiệt hại của bản thân.

Câu 12: Với loại hình bảo hiểm xã hội, người lao động sẽ nhận được quyền lợi bảo hiểm dựa trên cơ sở nào dưới đây?

- A. Mức đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội. B. Vị thế xã hội lúc tham gia.
C. Địa vị xã hội khi tham gia. D. Nhu cầu hưởng bảo hiểm xã hội.

Câu 13: Theo quy định của pháp luật, với người tham gia loại hình bảo hiểm xã hội trường hợp nào dưới đây người tham gia bảo hiểm **không** được nhận quyền lợi bảo hiểm?

- A.** Do hết tuổi lao động theo quy định. **B.** Do bị sa thải vì vi phạm kỷ luật.
C. Ốm đau hoặc tai nạn lao động. **D.** Thai sản hoặc bệnh nghề nghiệp.

Câu 14: Theo quy định của pháp luật, người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nếu đủ điều kiện có thể được hưởng chế độ

- A.** tai nạn giao thông.
B. tai nạn đi lại.
C. tai nạn lao động.
D. tai nạn thương tích.

Câu 15: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của bảo hiểm đối với mỗi cá nhân và gia đình?

- A.** Ổn định vật chất, tinh thần.
B. Chia sẻ khi gặp rủi ro.
C. Đảm bảo an toàn tài chính.
D. Gia tăng bạo lực giới.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 16, 17, 18

Năm 2013 bà Nguyễn Thị A giao kết hợp đồng lao động có thời hạn 24 tháng với trường tiểu học E với mức lương như sau. Tuy nhiên, từ ngày 01/1/2015 đến ngày 30/6/2015, bà A nghỉ hưởng chế độ thai sản. Sau đó, do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động vì vậy bà A đã làm đơn xin nghỉ việc theo quy định của pháp luật lao động và ngày 01/7/2015 trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc cho bà A, quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Câu 16: Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, nếu không đi làm tiếp, bà A có thể tiếp tục tham gia loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

- A.** Bảo hiểm xã hội tự nguyện.
B. Bảo hiểm xã hội thai sản.
C. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.
D. Bảo hiểm thất nghiệp.

Câu 17: Theo quy định của pháp luật, sau thời gian bà A được trường tiểu học E ban hành quyết định nghỉ việc, bà A có quyền được hưởng loại bảo hiểm nào dưới đây?

- A.** Bảo hiểm thất nghiệp.
B. Bảo hiểm dân sự.
C. Trợ cấp tai nạn.
D. Trợ cấp thai sản.

Câu 18: Theo quy định của pháp luật, trong thời gian nghỉ chế độ thai sản bà A được hưởng chế độ bảo hiểm nào dưới đây?

- A.** Trợ cấp nghề nghiệp.
B. Bảo hiểm thất nghiệp.
C. Chế độ hưu trí.
D. Chế độ thai sản.

Câu 19: Chính sách an sinh xã hội **không** có vai trò nào dưới đây đối với đối tượng được hưởng?

- A. Phòng ngừa biến cố.** **B. Ngăn ngừa rủi ro.**
C. Khắc phục rủi ro. **D. Quản lý xã hội.**

Câu 20: Để thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp

- A.** tạo ra nhiều sản phẩm.
B. tạo ra nhiều việc làm mới.
C. bảo vệ người lao động.
D. tăng thu nhập cho người lao động.

Câu 21: Trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay, một trong những chính sách dịch vụ xã hội cơ bản là dịch vụ

- A.** việc làm tối thiểu. **B.** thu nhập tối đa. **C.** y tế tối thiểu. **D.** bảo hiểm tối thiểu.

Câu 22: Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về giải quyết việc làm, bảo đảm thu nhập và giảm nghèo bền vững?

- A. Giảm tỷ lệ hộ giàu trong xã hội.**
B. Cải thiện cuộc sống hộ nghèo.
C. Xóa bỏ khoảng cách giàu nghèo.
D. Giảm tỷ lệ người thất nghiệp.

Câu 23: Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội có thể chủ động, ngăn ngừa và giảm bớt

- A.** phạm tội. **B.** rủi ro. **C.** quyền lợi. **D.** lợi nhuận.

Câu 24: Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

- A. Chia đều các nguồn thu nhập. B. Đẩy mạnh xuất khẩu lao động.
C. Chấp hành quy tắc công cộng. D. Bảo trợ hoạt động truyền thông.

Câu 25: Một trong những mục tiêu của chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm nhằm giúp người dân

- A. xóa đói giảm nghèo. B. xóa bỏ nhà tạm.
C. phòng ngừa rủi ro. D. phòng ngừa thất nghiệp.

Câu 26: Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội đem lại lợi ích nào dưới đây?

- A. Hưởng thu nhập vô điều kiện B. Được hoàn trả lại lợi ích đã mất.
C. Khắc phục và giảm thiểu rủi ro. D. Được hỗ trợ miễn phí trọn đời.

Câu 27: Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội sẽ góp phần thúc đẩy sự phân hóa giàu nghèo. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

thúc đẩy tình trạng thất nghiệp. thúc đẩy tình trạng lạm phát.

Câu 28: Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

- A. An sinh xã hội. B. Bảo hiểm xã hội.
C. Chất lượng cuộc sống. D. Thượng tầng xã hội.

Câu 29: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh vai trò của chính sách an sinh xã hội?

- A. Đảm bảo cuộc sống người dân. B. Hạn chế những rủi ro, biến cố.
C. Thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. D. Mở rộng sự lệ thuộc vào nhà nước. **Độc thông tin**

và trả lời các câu hỏi 30, 31, 32:

Trong năm 2023 toàn tỉnh M đã giải quyết việc làm mới cho hơn 8.000 lao động, trong 5 năm đã tạo việc làm cho 41.394 lao động, đạt 103% so với kế hoạch. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị giảm từ 5,2% năm xuống còn 4,54%. Tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn tăng dần, đạt 75% tăng lên 85%. Chương trình mục tiêu giảm nghèo của tỉnh triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, vùng nghèo. Đa số hộ nghèo được nâng cao nhận thức, cố gắng tìm tòi học tập kinh nghiệm trong sản xuất, tự tạo việc làm để vươn lên thoát nghèo, cải thiện điều kiện sống và sinh hoạt. Kết quả giảm nghèo của toàn tỉnh trong 5 năm đã vượt mục tiêu đề ra, giảm từ 38.085 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 28,4% xuống còn 18.048 hộ nghèo.

Câu 30: Việc giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị đã phản ánh hiệu quả của chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M đã thực hiện?

- A. Chính sách bảo hiểm. B. Chính sách giảm nghèo.
C. Chính sách việc làm. D. Chính sách thu nhập.

Câu 31: Chính sách an sinh xã hội nào dưới đây mà tỉnh M triển khai đã giúp các hộ nghèo từng bước ổn định cuộc sống?

- A. Chính sách dịch vụ xã hội. B. Chính sách xóa đói, giảm nghèo.
C. Chính sách trợ giúp xã hội. D. Chính sách bảo hiểm xã hội.

Câu 32: Nội dung nào dưới đây không thể hiện vai trò của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội mà tỉnh M đã triển khai?

- A. Giải quyết vấn đề việc làm. B. Tăng thu nhập cho người dân.
C. Thúc đẩy sự phân hóa giàu nghèo. D. Giúp người nghèo ổn định cuộc sống.

Câu 33: Việc các chủ thể kinh tế xác định các vấn đề như kinh doanh mặt hàng gì, đối tượng khách hàng là ai, họ có nhu cầu gì là thực hiện nội dung nào dưới đây của việc lập kế hoạch kinh doanh?

- A. Xác định mục tiêu kinh doanh. B. Xác định chiến lược kinh doanh.

C. Xác định ý tưởng kinh doanh.

D. Xác định điều kiện thực hiện.

Câu 34: Khi lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể cần thực hiện bước nào dưới đây?

A. Xác định ý tưởng kinh doanh.

B. Xác định thời gian hoàn thành.

C. Xác định mức lợi nhuận đạt được.

D. Xác định chủ thể sẽ đỡ đầu.

Câu 35: Để quá trình kinh doanh diễn ra hiệu quả, kế hoạch kinh doanh của các chủ thể cần xác định được

A. số thuế phải đóng.

B. ý tưởng kinh doanh.

C. số tiền sẽ thu lợi.

D. thời gian thành công.

Câu 36: Khi các chủ thể đặt ra những kế hoạch và mục tiêu cụ thể sẽ đạt được khi tiến hành kinh doanh là đã thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch kinh doanh?

A. Xác định điều kiện thực hiện.

B. Xác định ý tưởng kinh doanh.

C. Xác định chiến lược kinh doanh.

D. Xác định mục tiêu kinh doanh.

Câu 37: Bước khởi đầu trong việc lập kế hoạch kinh doanh là các chủ thể phải xác định được

A. ý tưởng kinh doanh.

B. chiến lược kinh doanh.

C. các rủi ro gặp phải.

D. mục tiêu kinh doanh.

Câu 38: Khi phân tích yếu tố về khách hàng để lập kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần quan tâm đến nội dung nào dưới đây?

A. Hành vi tiêu dùng.

B. Nguồn gốc xuất thân.

C. Nhu cầu khách hàng.

D. Độ tuổi khách hàng.

Câu 39: Khi xác định mục tiêu kinh doanh, các chủ thể **không** cần chú ý tới tiêu chí nào dưới đây?

A. Tính thực tiễn.

B. Tính khả thi.

C. Tính vô thời hạn.

D. Tính cụ thể.

Câu 40: Một trong những điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh mà các chủ thể sản xuất cần phân tích để lập kế hoạch kinh doanh phù hợp là

A. yếu tố hội nhập.

B. yếu tố khách hàng.

C. yếu tố xuất thân.

D. yếu tố quốc tế.

Câu 41: Một trong những đặc điểm của ý tưởng kinh doanh là ý tưởng đó phải có

A. tính nhân đạo.

B. tính sáng tạo.

C. tính phi lợi nhuận.

D. tính xã hội.

Câu 42: Khi xây dựng bản kế hoạch kinh doanh, các chủ thể **không** cần đưa nội dung nào dưới đây vào kế hoạch của mình?

A. Phương hướng kinh doanh.

B. Cách thức thực hiện.

C. Thời điểm hoàn thành.

D. Điều kiện thực hiện.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 43, 44:

Đề vận hành quán cà phê, anh H xác định ngoài chủ quán có 8 nhân viên; Chủ quán: người trực tiếp quản lý và điều hành quản lý 24/7; Tiếp tân: thu tiền và in hoá đơn; Đầu bếp: pha chế nước uống và chế biến món ăn. Quán hoạt động từ 6 giờ đến 23 giờ nên đội ngũ được chia thành hai ca, mỗi ca 4 người. Khi quán đông khách có thể huy động thời gian rảnh của các thành viên trong gia đình để phục vụ.

Câu 43: Thông tin trên đề cập đến yếu tố nào dưới đây khi tiến hành đánh giá các điều kiện thực hiện hoạt động kinh doanh?

A. Thị trường.

B. Khách hàng.

C. Sản phẩm.

D. Nhân sự.

Câu 44: Anh H đã thực hiện nội dung nào dưới đây của lập kế hoạch kinh doanh?

A. Xác định chiến lược kinh doanh.

B. Phân tích các điều kiện kinh doanh.

C. Xác định mục tiêu kinh doanh.

D. Đánh giá các yếu tố rủi ro gặp phải.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 45, 46:

Tại Việt Nam, bảo hiểm đã đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tài chính cho nhiều người khi gặp phải rủi ro. Chẳng hạn, ông A tại Hà Nội mua hợp đồng bảo hiểm 20 năm, nhưng qua đời sau 15

năm và gia đình ông đã nhận được khoản bồi thường. Một phụ nữ tại TP.HCM sau khi đóng đủ thời gian hợp đồng đã nhận lại số tiền mà bà đã đóng. Trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản, anh B có bảo hiểm ô tô và được bồi thường sau khi gặp tai nạn. Tương tự, doanh nghiệp C cũng nhận được bồi thường khi hàng hóa bị hỏng do thiên tai. Trong lĩnh vực y tế, cô D được bảo hiểm chi trả toàn bộ chi phí điều trị ung thư, và anh E nhận hỗ trợ chi phí y tế cùng trợ cấp hàng tháng sau một chấn thương nghiêm trọng. Những trường hợp này minh chứng cho vai trò quan trọng của bảo hiểm trong việc giảm bớt gánh nặng tài chính khi gặp sự cố không mong muốn.

Câu 45: Vai trò chính của bảo hiểm là gì?

- A. Cung cấp dịch vụ y tế miễn phí cho mọi người.
- B. Giảm bớt gánh nặng tài chính khi gặp rủi ro.
- C. Tạo ra thu nhập cho người lao động.
- D. Đảm bảo an ninh xã hội cho cộng đồng.

Câu 46: Bảo hiểm có ý nghĩa gì đối với doanh nghiệp?

- A. Giúp doanh nghiệp tăng trưởng doanh thu.
- B. Bảo vệ doanh nghiệp khỏi rủi ro tài chính.
- C. Cung cấp việc làm cho người lao động.
- D. Tạo ra thương hiệu cho doanh nghiệp.

Đọc thông tin và trả lời câu hỏi 47, 48:

Theo số liệu thống kê trên Cổng Thông tin giám định Bảo hiểm y tế từ ngày 01/01/2021 đến ngày 02/7/2021, cả nước có 75,58 triệu lượt khám, chữa bệnh với số tiền đề nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội thanh toán là trên 48 774 tỉ đồng. Trong đó có: hơn 68,6 triệu lượt khám, chữa bệnh ngoại trú với số tiền đề nghị thanh toán là trên 18 740 tỉ đồng; gần 7 triệu lượt khám, chữa bệnh nội trú với số tiền đề nghị thanh toán là trên 30 033 tỉ đồng.

Câu 47: Đoạn thông tin đề cập đến quyền lợi nào của người tham gia bảo hiểm y tế?

- A. Được nghỉ phép trong thời gian điều trị bệnh.
- B. Được trợ cấp trong thời gian điều trị bệnh.
- C. Được chi trả chi phí khám và điều trị bệnh.
- D. Được miễn đóng phí bảo hiểm y tế.

Câu 48: Việc chi trả khám chữa bệnh cho những người tham gia bảo hiểm y tế thuộc chính sách nào của hệ thống an sinh xã hội?

- A. Chính sách bảo hiểm.
- B. Chính sách trợ giúp xã hội.
- C. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.
- D. Chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập và giảm nghèo.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI (Học sinh đọc thông tin và chọn đúng hoặc sai)

Câu 1. Đọc đoạn thông tin sau:

Chị E giao kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn với công ty A. Hàng tháng, chị E đóng đầy đủ các loại BHXH. Đến 01/6/2020, chị E nghỉ thai sản (nghỉ đến hết 31/12/2020). Vì lý do gia đình, 01/1/2021 chị E nộp đơn xin nghỉ việc. Trước khi chấm dứt HĐLĐ, tổng thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp là 15 tháng. Căn cứ vào quy định của pháp luật lao động chị đã làm hồ sơ gửi cơ quan chức năng để nhận hỗ trợ theo quy định. Sau đó được sự tư vấn của bạn bè, chị E tham gia gói bảo hiểm nhân thọ cho cả mẹ và con chị.

- a) Loại hình bảo hiểm xã hội mà chị E tham gia trước khi nghỉ việc là bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- b) Chị E đã tham gia loại hình bảo hiểm thất nghiệp tự nguyện nên chị được hưởng trợ cấp thất nghiệp.
- c) Trước khi nghỉ việc chị E không tham gia bảo hiểm y tế.
- d) Bảo hiểm nhân thọ mà chị E tham gia là loại hình bảo hiểm thương mại.

Câu 2: Nhà nước đã dành 21% ngân sách cho phúc lợi xã hội, là mức cao nhất trong số các nước ASEAN, nhờ đó đã cơ bản thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, thông qua chính sách hỗ trợ trực tiếp của Chính phủ và chính sách bảo hiểm xã hội, bảo

hiểm thất nghiệp, đã hỗ trợ hơn 14,4 triệu người với tổng kinh phí hơn 33.000 tỷ đồng. Trong 5 năm qua, đời sống người có công không ngừng được nâng lên; hằng năm ngân sách Nhà nước dành hơn 32.000 tỷ đồng để thực hiện các chế độ ưu đãi người có công và thân nhân. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế từng bước trở thành trụ cột chính trong hệ thống an sinh xã hội.

- a) Việc hỗ trợ kinh phí với các đối tượng là người có công và thân nhân là thực hiện chính sách trợ giúp xã hội của Nhà nước.
- b) Tăng trưởng kinh tế đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội.
- c) Việt Nam vừa chú trọng phát triển kinh tế vừa quan tâm thực hiện chính sách an sinh xã hội.
- d) Ngân sách nhà nước là nguồn lực duy nhất để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Câu 3: Bảo đảm nước sạch cho nhân dân là một nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng mang tầm quốc gia. Luật bảo vệ môi trường năm 2014 đã quy định về bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư, hộ gia đình và quản lý chất thải, nước thải. Chính phủ đã ban hành Chương trình mục tiêu Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn giai đoạn 2012-2015; Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với mục tiêu tổng thể là đảm bảo người dân nông thôn được quyền tiếp cận sử dụng dịch vụ cấp nước sạch công bằng, thuận lợi, an toàn với chi phí hợp lý; phấn đấu đến năm 2030 có 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn với số lượng tối thiểu 60 lít/người/ngày; đến năm 2045, phấn đấu 100% người dân nông thôn được sử dụng nước sạch và vệ sinh an toàn, bền vững.

- a) Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch là nội dung của chính sách việc làm, xóa đói giảm nghèo.
- b) Vấn đề nước sạch vừa là vấn đề an sinh xã hội vừa là vấn đề chất lượng sống của người dân.
- c) Chỉ tiêu về nước sạch và vệ sinh môi trường là một chỉ tiêu quan trọng đánh giá sự tăng trưởng kinh tế.
- d) Nhà nước quan tâm giải quyết vấn đề nước sạch cũng chính là thực hiện tốt quyền con người. **Câu 4:** Đọc đoạn thông tin sau:

Với mong muốn xây dựng thành công chuỗi cửa hàng phân phối thực phẩm sạch trên địa bàn huyện X. Sau khi tham khảo một số mô hình cũng như kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh này. Anh H đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện ý tưởng kinh doanh của mình. Qua tìm hiểu thực tế anh nhận thấy, đây là sản phẩm đang có nhu cầu lớn, nếu chất lượng đảm bảo thì hoàn toàn có thể chiếm lĩnh được lòng tin của người tiêu dùng. Đặc biệt, qua tư vấn của bạn bè, anh H đã dự liệu được những rủi ro, khó khăn tiềm ẩn để có giải pháp khắc phục. Trên cơ sở tìm hiểu và đánh giá này, anh H đã lên kế hoạch chi tiết việc bán hàng, tiếp thị, quảng cáo để quảng bá giới thiệu sản phẩm đến khách hàng. Sự cam kết của anh đối với việc cung cấp sản phẩm chất lượng cao và an toàn đã thu hút được người tiêu dùng. Chính các yếu tố này đã giúp anh H xây dựng thành công thương hiệu của mình trên địa bàn huyện X, anh dự định sẽ tiếp tục mở rộng các cửa hàng để hình thành chuỗi cửa hàng chất lượng cao.

- a) Anh H chưa biết phân tích các điều kiện thực hiện ý tưởng kinh doanh.
- b) Giữa việc xác định mục tiêu và ý tưởng kinh doanh chưa có sự thống nhất.
- c) Anh H đã biết đánh giá cơ hội rủi ro và có biện pháp xử lý.
- d) Anh H đã biết xác định chiến lược kinh doanh.

Câu 5: Chia sẻ về việc quyết định tham gia BHXH tự nguyện, chị D cho biết, trước đây chị làm công nhân đã có 10 năm tham gia BHXH bắt buộc và sau khi nghỉ việc chị không còn được tham gia nữa. Nghỉ việc ở nhà, chị chuyển sang bán hàng ăn để mưu sinh hàng ngày. Công việc vất vả, thức khuya dậy sớm khiến sức khỏe chị ngày một yếu đi. Lúc này chị bắt đầu nghĩ tới và tham gia BHXH tự nguyện. Tính đến nay chị đã đóng được 5 năm, mỗi lần đều đóng theo quý, mỗi quý hơn 600 ngàn đồng. Không những tham gia BHXH tự nguyện, chị còn tham gia cả BHYT hộ gia đình. Nói về lợi ích của việc tham gia những loại hình bảo hiểm trên, chị D xúc động cho hay: Tôi cũng vừa mới mổ u được vài tháng. Đến khi bị bệnh tôi mới thấy sự hữu ích của những loại hình bảo hiểm này. Cứ hoàn cảnh như hiện nay, khi hết tuổi lao động mà không tham gia các loại hình bảo hiểm của nhà nước sẽ không biết lấy gì nuôi thân nếu như không có nguồn thu ổn định.

- a)** Chị D tham gia bảo hiểm bắt buộc 10 năm sau đó bỏ không tham gia vì đã nghỉ việc là hợp lý.
- b)** Người lao động tự do nên tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- c)** Vì đã tham gia bảo hiểm xã hội nên khi nhập viện mổ khối u chị sẽ được hưởng trợ cấp ốm đau.
- d)** Loại hình bảo hiểm y tế mà chị D tham gia là loại hình bảo hiểm y tế bắt buộc đối với mọi gia đình.

-----**HẾT**-----